

CÔNG ƯỚC VỀ TRÁN ÁP VIỆC BUÔN BÁN NGƯỜI VÀ BỐC LỘT MẠI DÂM NGƯỜI KHÁC, 1949

*(Được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn theo Nghị quyết
317(IV) ngày 02/12/1949 của Đại hội đồng Liên
Hợp Quốc. Có hiệu lực ngày 25/7/1951, theo quy định tại điều 24)*

Lời mở đầu

Xét rằng, mại dâm và tệ nạn đi kèm với nó là buôn bán người vì mục đích mại dâm là trái với nhân phẩm, giá trị con người và đe dọa đến hạnh phúc của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng,

Xét rằng, liên quan tới việc trấn áp các hành động buôn bán phụ nữ, trẻ em, các văn kiện quốc tế dưới đây đã và đang có hiệu lực:

- (1) Công ước quốc tế ngày 18/5/1904 về trấn áp việc buôn bán phụ nữ để cưỡng bức mại dâm, đã được sửa đổi theo Nghị định thư được thông qua bởi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc ngày 3/12/1948,
- (2) Công ước quốc tế ngày 4/5/1910 về trấn áp việc buôn bán phụ nữ để cưỡng bức mại dâm, đã được sửa đổi bởi Nghị định thư nêu trên,
- (3) Công ước quốc tế ngày 30/9/1921 về trấn áp việc buôn bán phụ nữ và trẻ em, đã được sửa đổi theo Nghị định thư được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/10/1947,
- (4) Công ước quốc tế ngày 11/10/1933 về trấn áp việc buôn bán phụ nữ ở mọi lứa tuổi, đã được sửa đổi bởi Nghị định thư nêu trên,

Xét rằng, các nước Đồng minh, vào năm 1937, đã dự thảo một công ước mở rộng phạm vi của các điều ước nói trên, và

Xét rằng, những phát triển của tình hình kể từ năm 1937 đã dẫn đến việc có thể ký kết một công ước hợp nhất tất cả nội dung của các văn kiện nói trên với Dự thảo Công ước 1937 với các điều chỉnh cần thiết:

Nay, Các Bên ký kết đã thỏa thuận như sau:

Điều 1.

Các quốc gia thành viên Công ước này nhất trí trừng phạt bất cứ người nào, để làm thỏa mãn dục vọng của người khác, mà:

1. Môi giới, dụ dỗ hoặc dẫn dắt một người khác nhằm mục đích mại dâm, thậm chí với sự đồng ý của người đó;
2. Bóc lột mại dâm người khác, thậm chí với sự đồng ý của người đó,

Điều 2.

Các thành viên của Công ước này cũng nhất trí sẽ trừng phạt bất cứ người nào:

1. Tổ chức hay quản lý, cố ý tài trợ hoặc tham gia vào việc tài trợ cho một nhà chứa mại dâm;

2. Cố ý cho thuê hoặc đi thuê một ngôi nhà hoặc một địa điểm khác hoặc bất kỳ một phần địa điểm như vậy để sử dụng vào mục đích mại dâm.

Điều 3.

Trong phạm vi pháp luật quốc gia cho phép, những cố gắng thực hiện bất kỳ tội phạm nào được đề cập tại các điều 1 và 2, và những hành động chuẩn bị tiến hành các tội phạm đó cũng sẽ bị trừng phạt.

Điều 4.

Trong phạm vi pháp luật quốc gia cho phép, sự tham gia có chủ ý vào những hành vi phạm tội được đề cập tại các điều 1 và 2 ở trên cũng sẽ bị trừng phạt.

Trong phạm vi pháp luật quốc gia cho phép, những hành động tham gia vào các hành vi đó sẽ bị coi là những tội danh riêng bất cứ khi nào cần thiết để ngăn chặn việc bỏ lọt tội phạm.

Điều 5.

Trong những trường hợp mà pháp luật quốc gia quy định những người bị hại có quyền tham gia quá trình tố tụng đối với những tội phạm được đề cập trong công ước này, thì người nước ngoài cũng sẽ có những quyền đó, tương tự như các quyền được áp dụng với công dân của nước sở tại.

Điều 6.

Các quốc gia thành viên công ước này nhất trí thực hiện mọi biện pháp cần thiết nhằm bãi bỏ hoặc xoá bỏ các quy định pháp luật hoặc quy định hành chính hiện hành mà theo đó những người tham gia hoặc bị tình nghi là tham gia mại dâm buộc phải có đăng ký đặc biệt hoặc có một văn bản đặc biệt hoặc theo bất kỳ yêu cầu ngoại lệ nào, cho việc giám sát hoặc thông báo.

Điều 7.

Những tiền án được công bố ở nước ngoài đối với những tội phạm được đề cập trong Công ước này, trong phạm vi pháp luật quốc gia cho phép, sẽ được xem xét nhằm mục đích:

- (1) Xác định sự tái phạm;
- (2) Tước bỏ một số quyền dân sự của người phạm tội.

Điều 8.

Những tội phạm được đề cập tại các điều 1 và 2 của Công ước này sẽ bị coi là những tội phạm có thể dẫn độ theo các điều ước quốc tế về dẫn độ đã được hoặc có thể được ký kết giữa bất kỳ quốc gia thành viên nào của Công ước này.

Những quốc gia thành viên Công ước này không coi sự tồn tại của một điều ước quốc tế về dẫn độ là điều kiện cho việc dẫn độ sẽ thừa nhận những tội phạm

được đề cập tại các điều 1 và 2 của Công ước này là các tội phạm có thể dẫn độ giữa những quốc gia này với nhau.

Việc dẫn độ sẽ được thực hiện phù hợp với pháp luật của quốc gia được đề nghị dẫn độ.

Điều 9.

Tại những quốc gia mà pháp luật không cho phép dẫn độ công dân, những công dân nào đã trở về quốc gia họ, sau khi đã thực hiện bất kỳ tội phạm nào được nêu tại các điều 1 và 2 của Công ước này ở nước ngoài, sẽ bị khởi tố và trừng phạt bởi toà án của chính quốc gia của họ.

Quy định này sẽ không được áp dụng trong trường hợp tương tự giữa các quốc gia thành viên Công ước này, nếu việc dẫn độ người nước ngoài là không được phép.

Điều 10.

Những quy định tại điều 9 sẽ không được áp dụng khi người bị cáo buộc phạm tội đã bị xét xử ở nước ngoài, và nếu bị kết án, đã thi hành án hoặc được miễn thi hành, hoặc được giảm án, phù hợp với pháp luật của quốc gia đó.

Điều 11.

Không một quy định nào trong Công ước này được giải thích nhằm xác định thái độ của một quốc gia đối với vấn đề chung về giới hạn quyền tài phán hình sự theo luật quốc tế.

Điều 12.

Công ước này không ảnh hưởng đến nguyên tắc những tội phạm được đề cập tại Công ước này sẽ bị điều tra, bị khởi tố và trừng phạt phù hợp với pháp luật quốc gia của mỗi nước.

Điều 13.

Các quốc gia thành viên Công ước này có nghĩa vụ thực hiện những thư đề nghị liên quan đến những tội phạm được đề cập trong công ước này phù hợp với pháp luật và thực tiễn của mình.

Việc chuyển thư đề nghị sẽ được thực hiện:

(1) Bằng việc thông tin trực tiếp giữa các cơ quan tư pháp; hoặc

(2) Bằng việc thông tin trực tiếp giữa các Bộ trưởng Tư pháp của hai quốc gia thành viên, hoặc bằng việc thông tin trực tiếp từ một cơ quan có thẩm quyền của quốc gia gửi đề nghị cho Bộ trưởng Tư pháp của quốc gia nhận được đề nghị; hoặc

(3) Thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của quốc gia gửi đề nghị tại quốc gia nhận được đề nghị đó; cơ quan đại diện này sẽ trực tiếp gửi thư đề nghị lên cơ quan tư pháp có thẩm quyền hoặc lên cơ quan mà chính phủ của quốc gia nhận được đề nghị chỉ định, và sẽ tiếp nhận trực tiếp từ cơ quan đó những tài liệu giải trình về việc thực hiện thư đề nghị.

Một bản sao thư đề nghị sẽ được gửi cho cơ quan cấp có thẩm quyền cao nhất của quốc gia nhận được đề nghị trong các trường hợp 1 và 3.

Trừ khi có thoả thuận khác thư đề nghị sẽ được viết bằng ngôn ngữ của cơ quan gửi đề nghị với điều kiện quốc gia nhận được đề nghị có thể yêu cầu một bản dịch ra ngôn ngữ của mình, có xác nhận của cơ quan gửi đề nghị.

Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này sẽ thông báo cho các quốc gia thành viên khác về một hoặc những phương thức/thủ tục mà mình công nhận về việc chuyển thư đề nghị được đề cập trên đây.

Chừng nào một quốc gia chưa đưa ra một thông báo như vậy, thì thủ tục hiện hành đối với thư đề nghị vẫn có hiệu lực.

Việc thực hiện thư đề nghị không có nghĩa là chấp nhận yêu cầu đòi bồi hoàn những chi phí hoặc chi tiêu cho bất kỳ vấn đề nào khác ngoài những chi phí cho chuyên gia.

Không một nội dung nào trong điều này được hiểu là sự cam kết của các quốc gia thành viên Công ước này đối với việc thông qua bất kỳ hình thức hoặc phương pháp kiểm chứng nào trái với pháp luật quốc gia của họ trong các vấn đề hình sự.

Điều 14.

Mỗi quốc gia thành viên Công ước này cần thiết lập hoặc duy trì một cơ quan phụ trách việc điều phối và thu thập kết quả điều tra về các loại tội phạm được nêu trong Công ước này.

Những cơ quan này cần thu thập mọi thông tin nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phòng chống và trừng trị những loại tội phạm được nêu trong Công ước này, và cần có sự liên hệ chặt chẽ với các cơ quan tương ứng ở các quốc gia thành viên khác.

Điều 15.

Trong phạm vi pháp luật quốc gia cho phép và trong chừng mực các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về những công việc được đề cập tại điều 14 đánh giá là cần thiết, các cơ quan này sẽ cung cấp cho các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về các công việc tương ứng ở các quốc gia thành viên khác những thông tin sau:

1. Những thông tin cụ thể về bất kỳ tội phạm nào được nêu trong Công ước này hoặc mọi cố gắng thực hiện tội phạm đó;

2. Những thông tin cụ thể về mọi kế hoạch điều tra nhằm khởi tố, bắt giữ, kết tội, từ chối chấp nhận hoặc trục xuất những người phạm bất kỳ tội nào được nêu trong Công ước này, việc di chuyển của những người này và mọi thông tin hữu ích khác liên quan đến họ.

Thông tin được cung cấp như vậy phải bao gồm những mô tả về người phạm tội, dấu vân tay, ảnh, phương pháp hoạt động của họ, hồ sơ của cảnh sát và hồ sơ kết án.

Điều 16.

Các quốc gia thành viên của Công ước này nhất trí tiến hành, hoặc khuyến khích, những biện pháp nhằm ngăn chặn nạn mại dâm, phục hồi và hoà nhập xã hội cho những nạn nhân của tệ nạn mại dâm và những tội phạm được nêu trong công ước này, thông qua các dịch vụ giáo dục, y tế, xã hội, kinh tế công và tư cũng như các dịch vụ liên quan khác.

Điều 17.

Liên quan đến vấn đề nhập cư và di trú, các quốc gia thành viên công ước này cam kết áp dụng hoặc duy trì, những biện pháp cần thiết, phù hợp với các nghĩa vụ theo Công ước này, nhằm kiểm soát việc buôn bán người thuộc cả hai giới vào mục đích mại dâm.

Cụ thể, các quốc gia thành viên cam kết:

(1) Ban hành những qui định cần thiết cho việc bảo vệ người di trú hoặc nhập cư, đặc biệt với phụ nữ và trẻ em, ở tại cả nơi đến, nơi xuất phát và trên đường đi;

(2) Khuyến cáo công khai một cách thích hợp cho người dân về những nguy cơ của tình trạng buôn bán người được đề cập ở trên;

(3) Thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm giám sát các nhà ga xe lửa, sân bay, cảng biển và trên đường đi, các địa điểm công cộng khác nhằm ngăn chặn việc buôn bán người trên phạm vi quốc tế vào mục đích mại dâm;

(4) Thực hiện các biện pháp thích hợp để các cơ quan chức năng liên quan được thông báo về việc đến của những người bị tình nghi là thủ phạm, tòng phạm hay nạn nhân của việc buôn bán người.

Điều 18.

Các quốc gia thành viên Công ước này, phù hợp với những điều kiện do pháp luật quốc gia qui định, cam kết sử dụng những khai báo của người nước ngoài làm nghề mại dâm để xác định nhận dạng và địa vị dân sự của họ và để phát hiện người đã khiến họ phải rời bỏ tổ quốc của mình. Những thông tin thu thập được sẽ chuyển cho các cơ quan chức năng của quốc gia xuất xứ của những người được đề cập ở trên để hồi hương họ sau này.

Điều 19.

Các quốc gia thành viên Công ước này, phù hợp với những điều kiện do pháp luật quốc gia quy định và không làm phương hại đến việc truy tố hoặc các hoạt động khác đối với các hành vi vi phạm được đề cập dưới đây, với hết mức có thể, cam kết:

(1) Trong khi chờ hoàn tất việc thu xếp hồi hương cho những nạn nhân của việc buôn bán người quốc tế vì mục đích mại dâm, cung cấp các điều kiện phù hợp để họ được quan tâm chăm sóc tạm thời;

(2) Hồi hương những người được đề cập tại điều 18 có mong muốn được hồi hương, hoặc theo yêu cầu của những người đang có thẩm quyền với họ, hoặc bị ra lệnh trục xuất phù hợp với quy định của pháp luật. Việc hồi hương chỉ diễn ra sau khi đạt được sự nhất trí với các quốc gia tiếp nhận về nhận dạng, quốc tịch

cũng như địa điểm và thời gian đến cửa khẩu. Mỗi quốc gia thành viên Công ước này phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của những người này qua lãnh thổ của mình.

Trong trường hợp những người được đề cập trên đây không thể tự chi trả các chi phí hồi hương, cũng như không có vợ hoặc chồng, người thân hay người giám hộ trả những chi phí đó cho họ, thì chi phí cho việc hồi hương tính đến cửa khẩu xuất cảnh hoặc cảng biển, hoặc sân bay gần nhất để trở về với quốc gia xuất xứ sẽ do quốc gia nơi họ đang cư trú chịu, và chi phí cho chặng còn lại của chuyến đi sẽ do quốc gia xuất xứ chịu.

Điều 20.

Các quốc gia thành viên Công ước này sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, nếu chưa làm như vậy, để giám sát các cơ quan giới thiệu việc làm nhằm ngăn chặn việc những người đang tìm kiếm việc làm, cụ thể là phụ nữ và trẻ em, bị đặt vào nguy cơ mại dâm.

Điều 21.

Các quốc gia thành viên của Công ước này có nghĩa vụ gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc những quy định pháp luật đã được ban hành trong nước, và những quy định pháp luật được ban hành sau đó hàng năm liên quan đến nội dung của Công ước này, cũng như mọi biện pháp được các quốc gia áp dụng liên quan đến việc thực hiện Công ước này. Mọi thông tin nhận được sẽ được Tổng thư ký công bố theo định kỳ và gửi cho tất cả các quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc cũng như các quốc gia chưa phải là thành viên nhưng đã được chính thức gửi văn kiện phê chuẩn hay gia nhập công ước này theo quy định tại điều 23.

Điều 22.

Bất kỳ tranh chấp nào nảy sinh giữa các quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước, và nếu tranh chấp đó không thể giải quyết được bằng những biện pháp khác, thì theo đề nghị của bất kỳ một trong các bên tranh chấp, tranh chấp đó sẽ được chuyển lên Tòa án Công lý Quốc tế để giải quyết.

Điều 23.

Công ước này sẽ đề nghị cho bất kỳ quốc gia thành viên nào của Liên Hợp Quốc và bất kỳ quốc gia nào khác mà Hội đồng Kinh tế và Xã hội đã gửi giấy mời ký.

Công ước này phải được phê chuẩn, văn kiện phê chuẩn sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Những quốc gia được đề cập tại khoản 1 điều này mà chưa ký Công ước thì có thể gia nhập công ước.

Việc gia nhập sẽ có hiệu lực sau khi văn kiện gia nhập đã được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Trong Công ước này, từ quốc gia sẽ bao gồm mọi thuộc địa và lãnh thổ uỷ trị của một quốc gia thành viên Công ước này, và việc ký kết hoặc gia nhập của

quốc gia chính quốc với Công ước này sẽ có hiệu lực cho tất cả các lãnh thổ mà quốc gia đó có trách nhiệm quốc tế.

Điều 24.

Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ hai được nộp lưu chiểu.

Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này sau khi văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ hai đã được nộp lưu chiểu, Công ước sẽ bắt đầu có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày quốc gia đó nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập.

Điều 25.

Sau 5 năm kể từ khi Công ước này bắt đầu có hiệu lực, mọi quốc gia thành viên có thể rút khỏi Công ước bằng một văn bản thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Việc rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực đối với quốc gia thành viên rút khỏi Công ước sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký Liên Hợp Quốc nhận được thông báo rút khỏi Công ước.

Điều 26.

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc và các quốc gia chưa phải là thành viên của Liên Hợp Quốc được đề cập tại điều 23 về:

- (a) Các văn kiện ký, phê chuẩn và gia nhập nhận được theo điều 23;
- (b) Ngày mà công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực theo điều 24;
- (c) Thông báo rút khỏi Công ước nhận được theo điều 25;

Điều 27.

Mỗi quốc gia thành viên Công ước này, phù hợp với Hiến pháp của mình, cam kết áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác nhằm bảo đảm việc thực hiện Công ước này.

Điều 28.

Các quy định trong Công ước này sẽ thay cho những quy định trong các văn kiện quốc tế được đề cập tại các điểm 1,2,3 và 4 của đoạn thứ hai trong Lời nói đầu, trong quan hệ giữa các quốc gia thành viên. Những văn kiện đó sẽ bị coi là chấm dứt hiệu lực khi tất cả các thành viên của những văn kiện quốc tế đó trở thành thành viên của Công ước này.

Nghị định thư cuối cùng

Không một quy định nào trong Công ước này được coi là làm phương hại đến bất kỳ văn bản pháp luật nào đưa ra các điều kiện nghiêm khắc hơn những điều kiện được quy định trong Công ước này, để thực hiện những quy định nhằm bảo đảm trấn áp việc buôn bán người và bóc lột người khác vào mục đích mại dâm.

Những quy định từ các điều 23 đến 26 trong Công ước sẽ áp dụng cho Nghị định thư này.